

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 15 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa; diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 932TTr-SNNMT ngày 24 tháng 12 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa; diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; quy định về diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (trừ đất trồng lúa) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan khác có liên quan.

2. Người sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do thuê quyền sử dụng đất của người sử dụng đất khác; do nhận chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa, đất nông nghiệp.

**Điều 3. Diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa**

1. Diện tích công trình: không vượt quá 0,1% diện tích khu vực đất trồng lúa và tối đa là 1.000 m<sup>2</sup> trên một khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình của tổ chức, cá nhân.

2. Vị trí công trình: được xây dựng không quá 03 (ba) vị trí khác nhau trong khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình.

3. Mục đích sử dụng: Phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

**Điều 4. Diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (trừ đất trồng lúa)**

1. Thửa đất dưới 500 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 10 m<sup>2</sup>.

2. Thửa đất có diện tích Từ 500 m<sup>2</sup> đến dưới 3.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 20 m<sup>2</sup>.

3. Khu đất có diện tích từ 3.000 m<sup>2</sup> đến dưới 5.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 30 m<sup>2</sup>.

4. Khu đất có diện tích từ 5.000 m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50 m<sup>2</sup>.

5. Khu đất có diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> đến dưới 50.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100 m<sup>2</sup>.

6. Khu đất có diện tích từ 50.000 m<sup>2</sup> đến dưới 300.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 300 m<sup>2</sup>.

7. Khu đất có diện tích từ 300.000 m<sup>2</sup> trở lên được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 500 m<sup>2</sup>.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số: 26/2025/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định diện tích đất nông nghiệp sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định diện tích, vị trí, mục đích đất sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

c) Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa; diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Cồn Cỏ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**